

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **695/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2020

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2020/HNST ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 352/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 137/8 G1, phường T3, quận T4

2. Bị đơn: ông Nguyễn Năng T2, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 137/8 G1, phường T3, quận T4

Địa chỉ làm việc : 117 L1, phường T3, quận T4

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Kim T1 và ông Nguyễn Năng T2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2013 mới tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T3, quận T4 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 266/2013 ngày 03/10/2013.

Trong quá trình chung sống, bà T1 và ông T2 thường xuyên gây gổ, cãi vã xuất phát từ việc không phù hợp tính tình, lối sống, ông T2 thường có hành vi bạo hành gia đình. Bên cạnh đó, ông T2 còn có người phụ nữ khác bên ngoài nên bà T1 không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông T2. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn.

Bị đơn, ông Nguyễn Năng T2 trình bày: ông T2 và bà T1 chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2013 mới tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quý, quận Tân Phú.

Trong quá trình chung sống ông có bồ nên bà T1 yêu cầu ly hôn. Ông không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

- **Về con chung:** Bà T1 và ông T2 xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Kim T5, sinh ngày 08/11/1999 và Nguyễn Thủy T6, sinh ngày 20/12/2006. Bà T1 yêu cầu được nuôi trẻ T6 và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Ông T2 đồng ý để bà T1 nuôi trẻ T6 và ông không cấp dưỡng số tiền cụ thể hàng tháng mà tùy theo khả năng của ông. Riêng con chung Nguyễn Kim T5 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà T1 và ông T2 không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** bà T1 và ông T2 xác nhận không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Năng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà T1 vẫn giữ nguyên ý kiến.

Bị đơn là ông Nguyễn Năng T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 266/2013, quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường T3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Kim T1 và ông Nguyễn Năng T2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn, ông T2 có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T2 theo qui định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Kim T1 và ông Nguyễn Năng T2 thể hiện mâu thuẫn giữa hai bên là có thật. Ông T2 xác nhận có người phụ nữ khác bên ngoài và ông T2 không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện ông T2 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà T1 không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông T2. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1.

* Về quan hệ con chung: Bà T1 yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn Thủy T6, sinh ngày 20/12/2006, ông T2 đồng ý và trẻ T6 có nguyện vọng được sống chung với bà T1 nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T1. Riêng con chung Nguyễn Kim T5 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về cấp dưỡng: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp nuôi con cho ông T2 do bà T1 không yêu cầu

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 và ông T2 khai không có.

[4]. Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Kim T1 được ly hôn với ông Nguyễn Năng T2

Giấy chứng nhận kết hôn số 266/2013, quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường T3, quận T4 , Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/2013 cho bà Nguyễn Kim T1 và ông Nguyễn Năng T2 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:*

Bà Nguyễn Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thủy T6, sinh ngày 20/12/2006. Riêng con chung Nguyễn Kim T5 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ của ông T2 về việc cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* bà T1 và ông T2 khai không có..

2. Về án phí: bà Nguyễn Kim T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0020624 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: bà T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Q. Tân Phú;
- Đường sự;
- UBND phường Tân Quý
quận Tân Phú, TPHCM
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương